

Xu hướng vĩ mô năm 2021

Kinh tế Việt Nam hướng đến một năm thành công mới

Tăng trưởng kinh tế 4Q20 vượt bậc

Tổng sản phẩm quốc nội (GDP) thực của Việt Nam tăng tốc ấn tượng trong quý 4, nhờ vậy tốc độ tăng trưởng cả năm vượt kỳ vọng của thị trường. Theo ước tính mới nhất của GSO, GDP thực tăng đến 4.48% n/n trong 4Q20, kéo theo tốc độ tăng trưởng GDP cả năm 2020 đạt 2.91%, vượt xa dự báo của các tổ chức kinh tế quốc tế lớn như IMF (1.6%), World Bank (2.8%), và ADB (1.8%). Với sự hỗ trợ từ các kế hoạch chi tiêu tài chính đầy hứa hẹn, việc tham gia FTA và phát triển vắc xin, chúng tôi dự báo tốc độ tăng trưởng GDP thực của Việt Nam sẽ đạt 6.36% năm 2021.

Triển vọng tích cực cho FDI trong 2021

Trong 4Q20, vốn FDI đăng ký đã phục hồi đáng kể lên mức cao thứ ba kể từ giữa năm 2018. Vốn FDI giải ngân thậm chí còn đạt mức cao kỷ lục, khoảng 6.2 tỷ USD trong 4Q20. Sự chuyển dịch chuỗi cung ứng toàn cầu đã và đang diễn ra sẽ mở ra cơ hội lớn cho FDI Việt Nam vào năm 2021.

IIP tiềm năng tăng trưởng mạnh mẽ trong 2021

Sự bền vững trong tăng trưởng công nghiệp là điểm chính trong tháng 12 khi hầu hết các ngành vẫn nằm trong vùng tăng trưởng ngoại trừ ngành điện tử. Nhìn về năm 2021, với mức cơ sở sản xuất rất thấp trong nửa đầu năm nay, chúng tôi kỳ vọng tăng trưởng công nghiệp sẽ có sự đột phá trong 6T21.

Chỉ số vĩ mô

(Tỷ USD, %, % q/q, % n/n)

	1Q20	2Q20	3Q20	4Q20	2019	2020F	2021F
GDP	3.82	0.36	2.62	4.48	7.02	2.91	5.94
Cán cân thương mại	3.82	1.92	10.72	2.54	10.42	19.01	1.77
CPI	4.87	3.17	2.98	0.19	5.23	3.24	2.41
Lãi suất chiết khấu	3.50	3.00	3.00	3.00	4.00	3.00	3.00
VND/USD	23,264	23,206	23,188	23,252	23,231	23,255	23,246
GDP Mỹ	(4.80)	(34.20)	NA	7.90	2.3	(5.70)	3.90
GDP Trung Quốc	(6.80)	1.10	NA	6.00	6.10	1.80	8.00

Nguồn: KIS

Nội dung

I. Tăng trưởng kinh tế 4Q20 vượt bậc	1
II. Tăng trưởng thương mại gặp áp lực giảm sập tới	5
III. CPI tăng nhẹ do giá năng lượng.....	8
IV. Ngành bán lẻ duy trì tăng trưởng.....	8
V. Triển vọng tích cực cho FDI trong 2021	9
VI. IIP tiềm năng tăng trưởng mạnh mẽ trong 2021	13
VII. Thâm hụt ngân sách tăng lên 363 nghìn tỷ.....	17
Bảng điểm vĩ mô	19

Ý Nguyễn

y.nt@kisvn.vn

Tuấn Đoàn

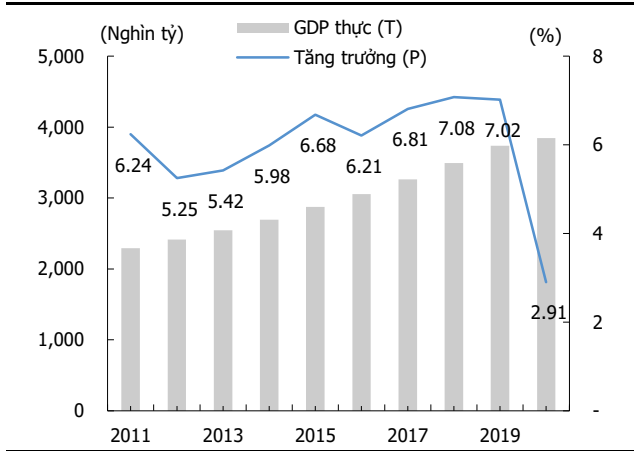
tuan.doan@kisvn.vn

I. Tăng trưởng kinh tế 4Q20 vượt bậc

Tăng trưởng GDP ấn tượng trong 4Q20

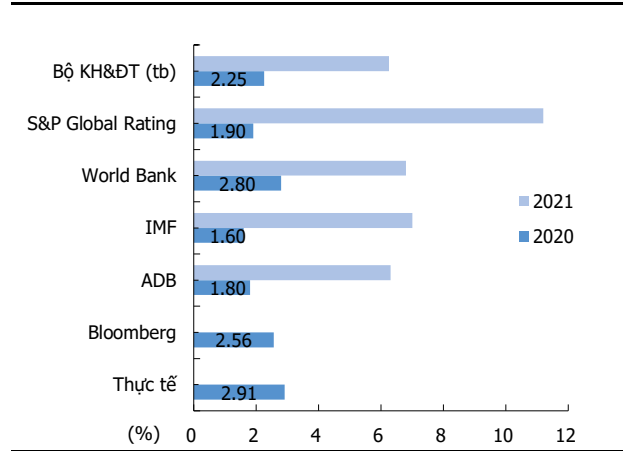
GDP thực của Việt Nam ghi nhận mức tăng tốc ấn tượng trong quý 4, kéo tốc độ tăng trưởng cả năm vượt kỳ vọng của thị trường. Theo ước tính mới nhất của GSO, tăng trưởng GDP thực trong quý 4 đạt 4.48% n/n, tăng 1.78 điểm phần trăm so với quý trước đó. Do đó, tốc độ tăng trưởng GDP cả năm 2020 đạt 2.91% n/n, vượt xa dự báo của các tổ chức kinh tế quốc tế lớn như IMF (1.6%), World Bank (2.8%), và ADB (1.8%).

Hình 1. GDP thực



Nguồn: GSO, KIS

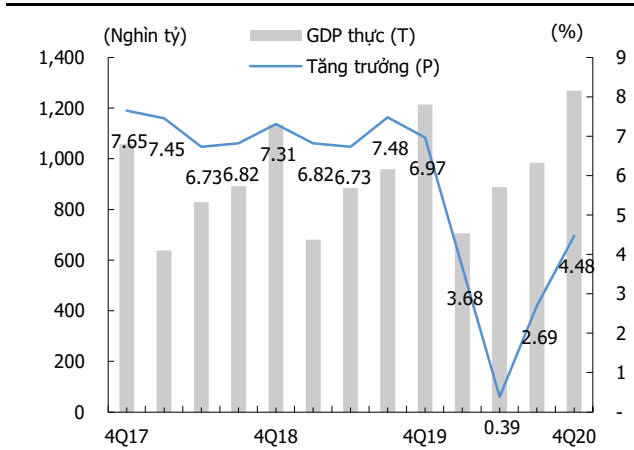
Hình 2. Tăng trưởng GDP thực và dự phóng



Nguồn: GSO, KIS

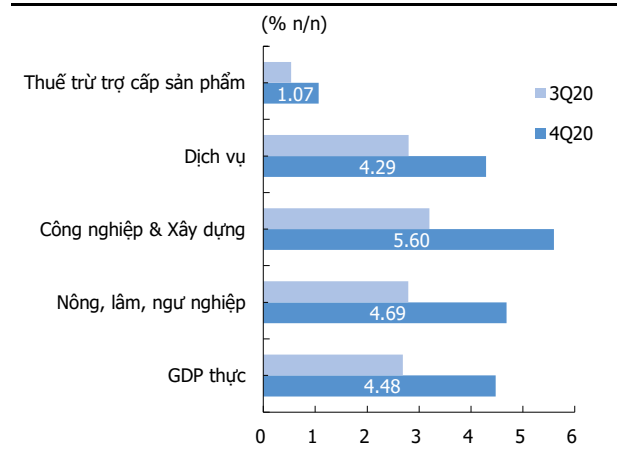
Phân loại theo ngành, quý 4 chứng kiến mức tăng trưởng nổi bật ở tất cả các thành phần của GDP, bao gồm nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản; công nghiệp và xây dựng; dịch vụ và thuế trừ trợ cấp đối với sản phẩm. Cụ thể, nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản tăng 4.69% n/n (+1.07% so với 3Q20), công nghiệp và xây dựng tăng 5.60% n/n (+1.89% so với 3Q20), dịch vụ tăng 4.29% (+1.49% so với 3Q20) và thuế trừ trợ cấp sản phẩm tăng 1.07% (+0.53% so với 3Q20).

Hình 3. GDP theo quý



Nguồn: GSO, KIS

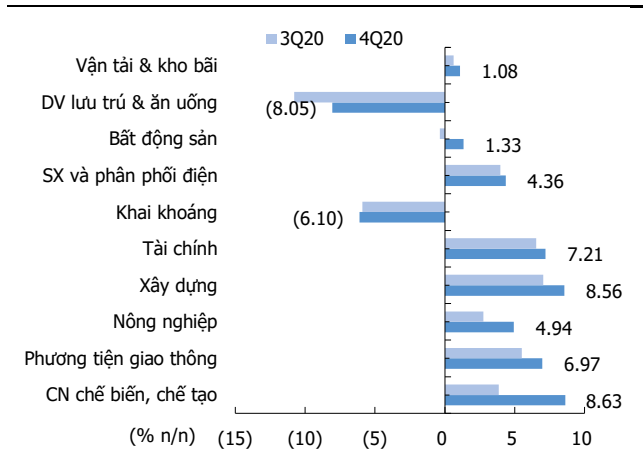
Hình 4. Cơ cấu GDP quý theo ngành



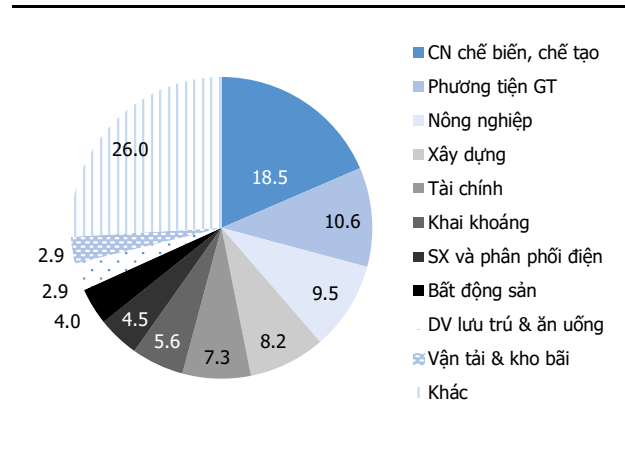
Nguồn: GSO, KIS

Nhìn sâu hơn vào các nhóm ngành phụ, 21 trên 22 nhóm ngành phụ có sự cải thiện trong 4Q20, ngoại trừ lĩnh vực khai khoáng. Với tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu GDP, công nghiệp chế biến, chế tạo tăng tốc nhanh nhất với 8.63% n/n (+4.77% so với 3Q20) và đóng góp một phần ba mức tăng trưởng chung trong quý này. Ngoài ra, các nhóm ngành chính khác cũng có những bước tiến ấn tượng như phương tiện giao thông tăng 6.97% n/n (+1.46% so với 3Q20); nông nghiệp tăng 4.94% n/n (+2,019% so với 3Q20); xây dựng tăng 8.56% n/n (+1.52% so với 3Q20) và tài chính, ngân hàng & bảo hiểm tăng 7.21% n/n (+0.66% so với 3Q20). Đáng chú ý, dịch vụ lưu trú và ăn uống, vốn được coi là hoạt động kinh doanh bị ảnh hưởng nặng nề nhất từ COVID-19, đang có dấu hiệu tích cực khi mức giảm chỉ còn 8.05% n/n từ mức hai con số trong giai đoạn trước. Trái lại, lĩnh vực khai khoáng vẫn tiếp tục đi xuống khi tốc độ giảm tăng 0.2% so với 3Q20, lên 6.1% n/n trong quý này.

Hình 5. Top 10 nhóm ngành tăng trưởng quý



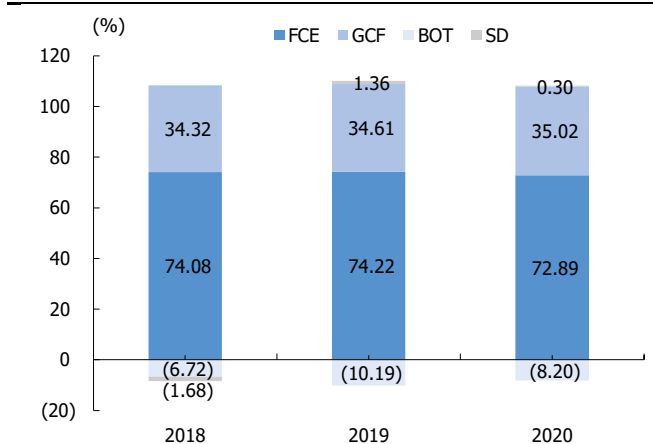
Hình 6. Cơ cấu GDP thực theo nhóm ngành 4Q20



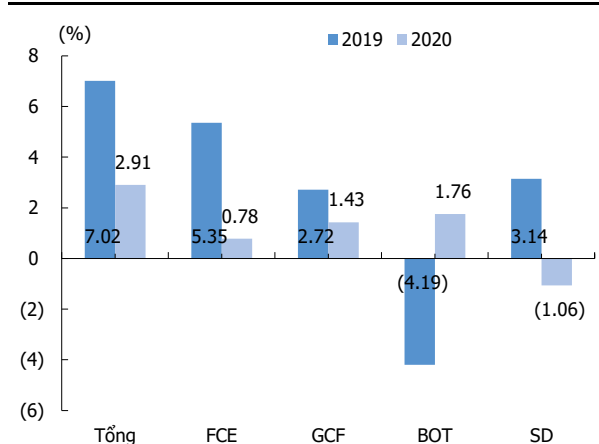
Nguồn: GSO, KIS

Về phía cầu, sự chậm lại trong tiêu dùng cuối cùng và tích lũy tài sản ảnh hưởng mạnh đến tăng trưởng GDP thực trong năm, trong khi xuất khẩu ròng chứng kiến 1 năm tăng mạnh mẽ, đóng góp lớn vào tăng trưởng kinh tế. Có thể thấy, do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19, tiêu dùng cuối cùng và tích lũy tài sản, đại diện cho nhu cầu tiêu dùng và đầu tư, đều giảm tốc đáng kể so với năm 2019. Người tiêu dùng có xu hướng chi tiêu ít hơn và tiết kiệm nhiều hơn khi họ bi quan về thu nhập trong tương lai, trong khi chủ doanh nghiệp có xu hướng ít mở rộng hoạt động hơn khi triển vọng kinh doanh trở nên không chắc chắn. Do đó, tiêu dùng cuối cùng và tích lũy tài sản chỉ tăng nhẹ lần lượt là 1.06% n/n và 4.12% n/n, đóng góp 0.78% và 1.43% vào tốc độ tăng trưởng chung cho năm 2020, thấp hơn nhiều so với mức đóng góp năm 2019. Ở chiều ngược lại, xuất khẩu ròng ghi nhận sự cải thiện ấn tượng và là nhân tố chính kéo nền kinh tế trong năm nay. Với mức tăng trưởng xuất khẩu tương đối cao so với nhập khẩu, xuất khẩu ròng ghi nhận mức thặng dư 315.5 nghìn tỷ đồng, tăng 17.22% so với năm 2019. Mức tăng trên đóng góp 1.76% vào tốc độ tăng trưởng chung, cao hơn 5.95% so với năm trước và bù đắp vào sự chậm chạp trong tiêu dùng cuối cùng và tích lũy tài sản.

Hình 7. Cơ cấu GDP thực hàng năm theo chi tiêu



Hình 8. Đóng góp GDP thực hàng năm theo chi tiêu



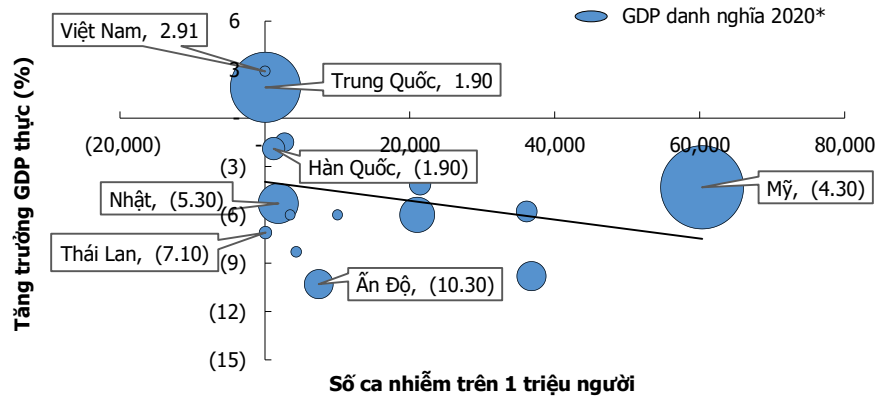
Nguồn: GSO, KIS
 FCE: Tiêu dùng cuối; GCF: Tích lũy tài sản; BOT: Xuất khẩu ròng; SD: Chênh lệch thống kê

Về các yếu tố quyết định đến tăng trưởng kinh tế năm 2020 của Việt Nam, chúng tôi điểm ra một số nguyên nhân như sau. Đầu tiên và quan trọng nhất, việc đại dịch COVID-19 được kiểm soát tốt trong nước đã duy trì tốc độ tăng trưởng nhu cầu tiêu dùng và đầu tư trong nước ở mức tương đối trong bối cảnh kinh tế toàn cầu sụt giảm mạnh Thứ hai, hoạt động xuất khẩu tăng trưởng ấn tượng, có khả năng phản ánh nhu cầu tăng cao từ các thị trường xuất khẩu lớn và cơ cấu xuất khẩu thay đổi theo hướng các sản phẩm có giá trị cao hơn, cải thiện cán cân thương mại, qua đó nâng cao GDP.

DỰ BÁO:

Theo góc nhìn của chúng tôi, một số yếu tố quyết định đến tốc độ tăng trưởng GDP thực năm 2021 như sau: **COVID-19 vẫn đóng vai trò quan trọng trong việc quyết định các hoạt động kinh tế trong năm tới, không chỉ ở Việt Nam mà còn trên toàn cầu.** Cuối năm 2020, chúng ta đã chứng kiến một số tín hiệu tích cực về sự phát triển và ứng dụng của các loại vắc xin đầy hứa hẹn như Pfizer/BioNTech, Moderna, AstraZeneca, giúp đem lại hy vọng chấm dứt đại dịch vào năm 2021. Tuy nhiên, các biến thể vi rút mới có thể sẽ gây cản trở nỗ lực tiêm chủng nhằm mang nền kinh tế toàn cầu sớm trở lại bình thường. Do đó, nhu cầu nội địa và xuất khẩu đối với các sản phẩm của Việt Nam dường như gắn liền với tốc độ phân phối vắc xin và sự phức tạp của các biến thể vi rút mới.

Hình 9. Tăng trưởng GDP và số ca mắc COVID-19 trong năm 2020

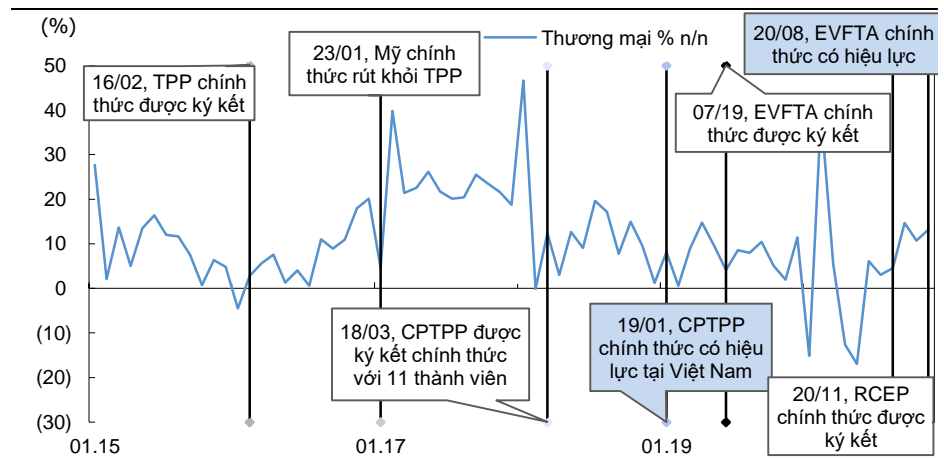


Nguồn: IME, GSO, KIS

* Số liệu tăng trưởng GDP của Việt Nam được thu thập từ GSO, số liệu tăng trưởng GDP của các nước khác được lấy từ triển vọng kinh tế thế giới của IMF.

Các hiệp định thương mại tự do (FTA) đầy hứa hẹn như CPTPP, EVFTA, RCEP được kỳ vọng sẽ tạo thuận lợi cho các hoạt động thương mại vào năm 2021. Lợi ích từ những hiệp định này sẽ trở nên nổi bật hơn trong trường hợp kiểm soát thành công đại dịch trên toàn cầu.

Hình 10. Các mốc thời gian ký kết CPTPP, EVFTA, và RCEP

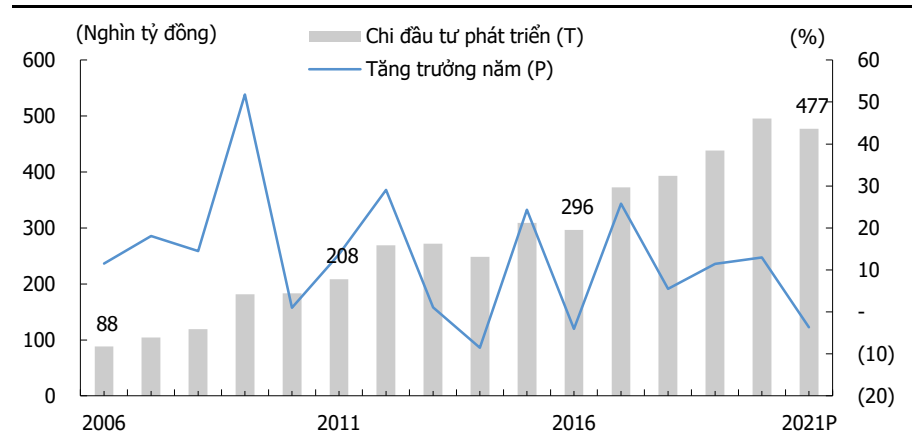


Nguồn: Vietnam WTO Center, KIS

RCEP: Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực, USMCA: Hiệp định giữa Mỹ-Mexico-Canada, USKOR: Hiệp định giữa Mỹ - Hàn Quốc, USAUS: Hiệp định giữa Mỹ - Úc, USISR: Hiệp định giữa Mỹ - Israel.

Đại hội Đảng lần thứ XIII trong đầu năm nay được kỳ vọng mang đến nhiều thay đổi lớn trong năm 2021 và các nhà đầu tư đang dự đoán rằng chi đầu tư và phát triển sẽ có những bước chuyển biến đáng kể trong năm đầu tiên của nhiệm kỳ mới. Tăng chi đầu tư và phát triển được kỳ vọng sẽ thúc đẩy nhu cầu nội địa trong ngắn hạn và tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động kinh doanh trong dài hạn. Ngoài ra, chi tiêu tài khóa của các nước lớn, chẳng hạn như Mỹ, Trung Quốc và Nhật Bản, có nhiều khả năng sẽ tăng đáng kể khi các chính phủ mới của họ sẽ bước vào nhiệm kỳ đầu tiên vào năm 2021.

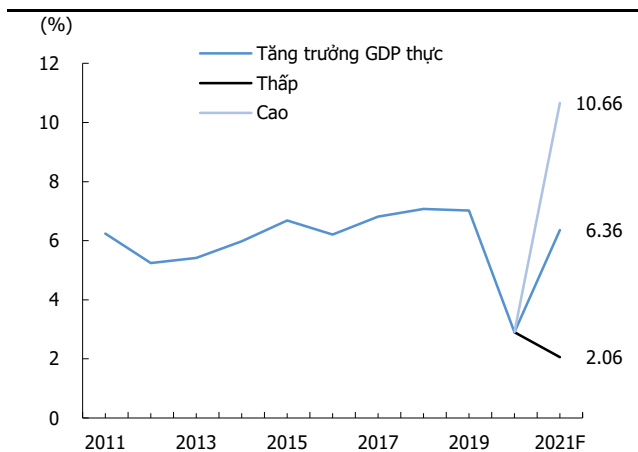
Hình 11. Chi đầu tư phát triển năm



Nguồn: Bộ Tài chính, GSO, KIS

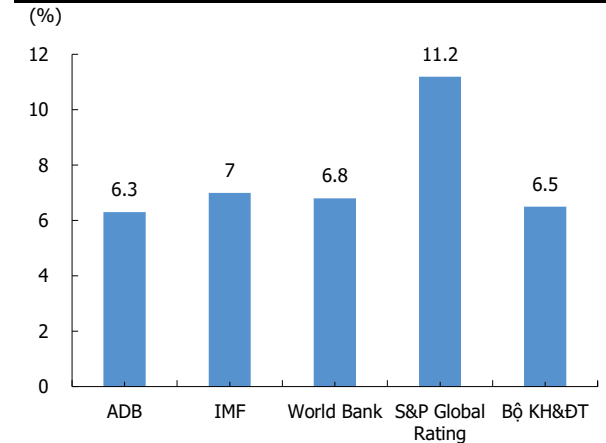
Với những giả định trên, chúng tôi dự báo tốc độ tăng trưởng GDP thực của Việt Nam sẽ đạt 6.36% n/n vào năm 2021.

Hình 12. Tăng trưởng GDP thực hàng năm của Việt Nam



Nguồn: IMF, World Bank, ADB, S&P Global Rating, GSO, KIS

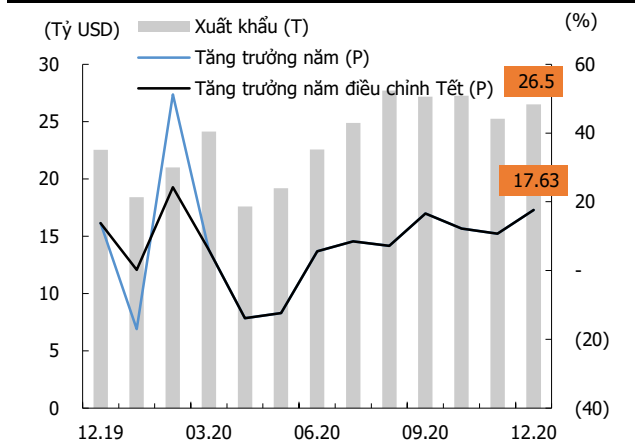
Hình 13. Dự báo tăng trưởng GDP Việt Nam 2021 của các tổ chức kinh tế thế giới



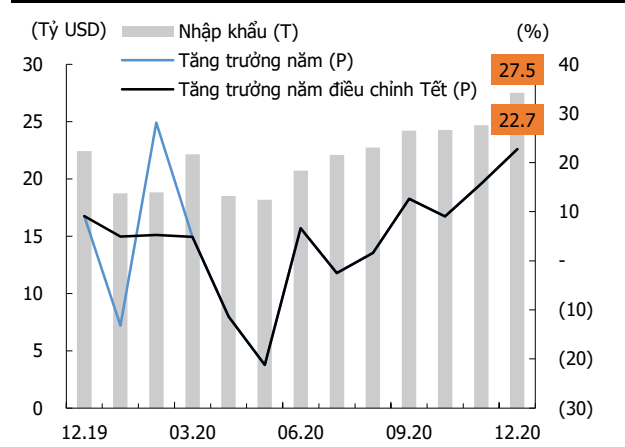
II. Tăng trưởng thương mại gặp áp lực giảm sắp tới

Thương mại tiếp tục tăng trưởng nhưng với tốc độ chậm lại

Trong tháng 12, các hoạt động thương mại chứng kiến sự tăng tốc đáng kể, trong khi cán cân thương mại chuyển sang thâm hụt sau chuỗi tháng dư kéo dài 7 tháng. Theo Tổng cục Thống kê, giá trị thương mại tiếp tục tăng trưởng mạnh trong giai đoạn này khi tăng 20.16% n/n, cao hơn 7.03% so với tháng 11 do cả xuất khẩu và nhập khẩu đều tăng mạnh. Cụ thể, xuất khẩu tăng 17.63% n/n đạt 26.5 tỷ USD (+6.9% so với tháng 11) và nhập khẩu tăng 22.7% n/n (+7.01% so với tháng 11) đạt 27.5 tỷ USD. Do đó, cán cân thương mại ước tính thâm hụt 1 tỷ USD trong tháng này, có thể là tháng đầu tiên thâm hụt kể từ tháng 5.

Hình 14. Xuất khẩu

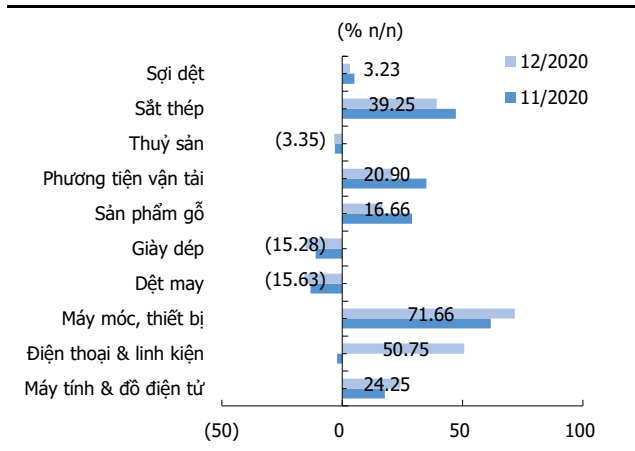
Nguồn: GSO, KIS

Hình 15. Nhập khẩu

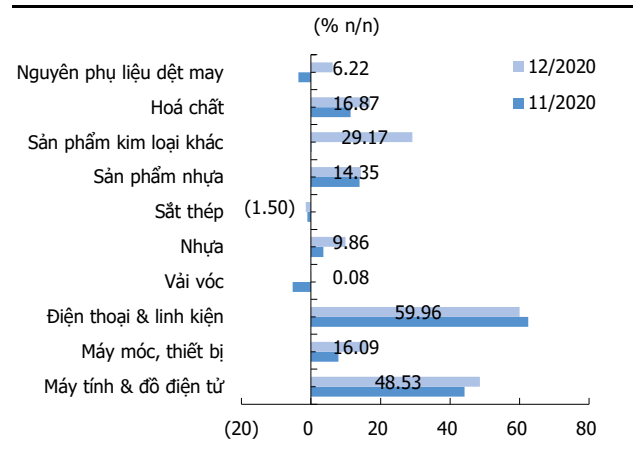
Nguồn: GSO, KIS

Mặc dù hầu hết các mặt hàng thiết yếu đều tăng trưởng chậm lại (4/10 mặt hàng) và thậm chí giảm (3/10 mặt hàng), mức tăng xuất khẩu ấn tượng trong tháng này được quyết định bởi ba mặt hàng, bao gồm máy tính, sản phẩm điện và linh kiện; máy móc, thiết bị, công cụ và dụng cụ; điện thoại các loại và linh kiện. Cụ thể, máy móc, thiết bị tăng 71.66% n/n (+9.89% so với tháng 11) và máy tính, sản phẩm điện tử tăng 24.25% n/n (+6.54% so với tháng 11), củng cố đà tăng so với tháng 11. Điện thoại các loại và linh kiện thậm chí còn tăng vượt trội hơn, tăng 50.75% n/n, cao hơn nhiều so với trước đó, đạt 4.4 tỷ USD trong tháng. Mức tăng vượt bậc trên bù đi phần hụt lùi của xuất khẩu sợi, sắt và thép, các phương tiện vận tải và phụ tùng, gỗ và các sản phẩm bằng gỗ, cũng như mức giảm đáng kể trong xuất thủy sản, giày dép, và dệt may. Cụ thể, xuất khẩu sợi (+3.23% n/n), sắt thép (+39.25% n/n), phương tiện vận tải (+20.09% n/n), gỗ và các sản phẩm gỗ (+16.66% n/n) đã chậm lại đà tăng, trong khi thủy sản (-3.35% n/n), giày dép (-15.28% n/n) và dệt may (-15.63% n/n) chứng kiến sự suy giảm.

Sự tăng tốc chung ở hầu hết các mặt hàng thiết yếu, đặc biệt là máy móc, thiết bị và máy tính, sản phẩm điện tử là điểm nhấn của hoạt động nhập khẩu trong tháng này. 8/10 mặt hàng nhập khẩu chính đã có những cải thiện trong tháng 12 khi tốc độ tăng trưởng trở nên tích cực hơn hoặc ít tiêu cực hơn. Chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu nhập khẩu, tăng trưởng mạnh nhập khẩu máy tính, sản phẩm điện tử và máy móc, thiết bị giúp tổng nhập khẩu tăng theo. Cụ thể, máy tính, sản phẩm điện tử tăng 48.53% n/n đạt 6.4 tỷ USD (+4.42% so với tháng 11) và máy móc, thiết bị tăng 16.09% n/n (+8.21% so với tháng 11) đạt 4.2 tỷ USD. Ngoài ra, một số mặt hàng khác cũng có tiến triển đáng chú ý và đóng góp đáng kể vào tăng trưởng nhập khẩu chung trong tháng này, như sản phẩm hóa chất (+16.87% n/n), sản phẩm kim loại cơ bản khác (+29.17% n/n), sản phẩm nhựa (+14.35% n/n) và chất dẻo (+9.86% n/n).

Hình 16. Top 10 mặt hàng xuất khẩu

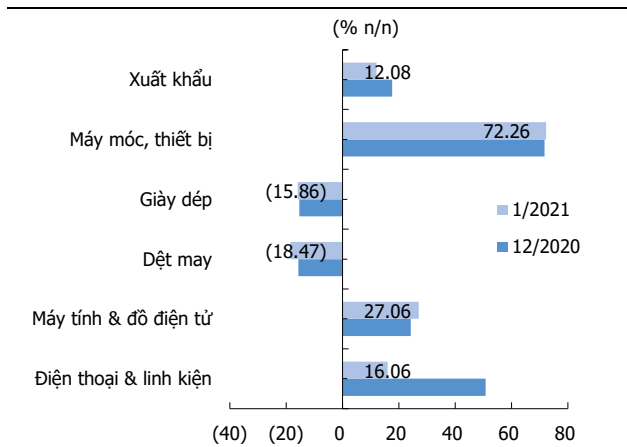
Nguồn: GSO, KIS

Hình 17. Top 10 mặt hàng nhập khẩu

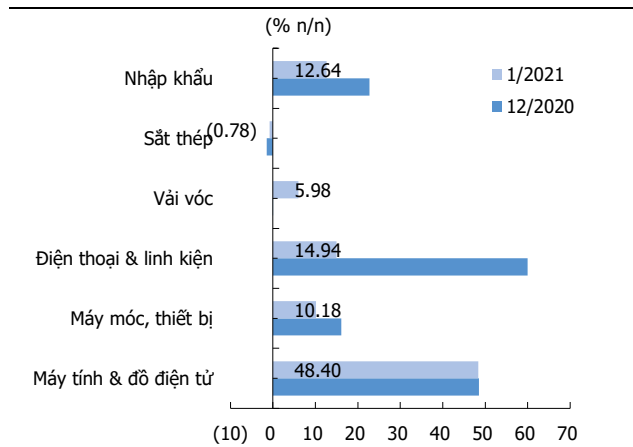
Nguồn: KIS, GSO

DỰ BÁO

- Gói kích thích kinh tế thứ hai của Mỹ được hi vọng sẽ thông qua sau lễ nhậm chức của tổng thống Biden và được dự đoán sẽ thúc đẩy niềm tin của người tiêu dùng vào quý đầu tiên của năm 2021. Tuy nhiên, các biến thể coronavirus mới có nhiều khả năng khiến các chính phủ gia tăng các biện pháp cách ly xã hội, do đó làm chậm lại hoạt động thương mại.
- Chúng tôi dự báo xuất khẩu và nhập khẩu sẽ tăng trưởng lần lượt 12.08% n/n và 12.64% n/n vào tháng 01/2021

Hình 18. Dự phóng tăng trưởng xuất khẩu

Nguồn: KIS, Bloomberg

Hình 19. Dự phóng tăng trưởng nhập khẩu

Nguồn: KIS, Bloomberg

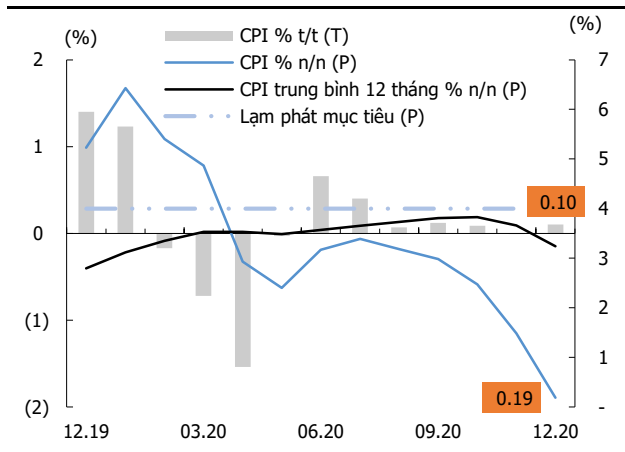
III. CPI tăng nhẹ do giá năng lượng

Giá năng lượng tăng cao đẩy tăng CPI

Theo công bố của Tổng cục Thống kê, chỉ số Giá tiêu dùng (CPI) có mức tăng khiêm tốn so với tháng trước khi mà giá cả ngành giao thông tăng cao bù đắp mức giảm từ lương thực và thực phẩm. Sau khi chững lại vào tháng trước, CPI đã quay trở lại tăng 0.1% t/t trong tháng 12. Cụ thể, đối với 2 lĩnh vực có tỷ trọng cao nhất trong giỏ hàng hóa CPI, hàng ăn và dịch vụ ăn uống giảm 0.41% t/t, trong khi giá cả giao thông tăng mạnh 2.45% t/t.

So với cùng kỳ năm trước, CPI tiếp tục xu hướng giảm tốc từ tháng Bảy. Cụ thể, CPI trong giai đoạn này tăng 0.19% n/n, thấp hơn 130 đcb so với tháng trước. Do đó, tỷ lệ lạm phát trung bình 12 tháng là 3.24%, thấp hơn 76 đcb so với tỷ lệ mục tiêu của chính phủ là 4%.

Hình 20. Chỉ số CPI



Nguồn: GSO, KIS

Bảng 1. CPI theo ngành

Nhóm ngành	Tỷ trọng (%)	% t/t	% n/n
Hàng ăn và dịch vụ ăn uống	36.12	(0.41)	2.68
Đồ uống và thuốc lá	3.59	0.13	1.14
May mặc, mũ nón, giày dép	6.37	0.15	0.37
Nhà ở và vật liệu xây dựng	15.73	(0.03)	0.19
Thiết bị và đồ dùng gia đình	7.31	0.01	0.67
Thuốc và dịch vụ y tế	5.04	0.01	0.51
Giao thông	9.37	2.45	(11.68)
Bưu chính viễn thông	2.89	(0.00)	(0.52)
Giáo dục	5.99	0.00	4.15
Văn hóa, giải trí và du lịch	4.29	(0.10)	(2.43)
Hàng hóa và dịch vụ khác	3.3	0.12	2.10
Chỉ số giá tiêu dùng		0.10	0.19

Nguồn: GSO, KIS

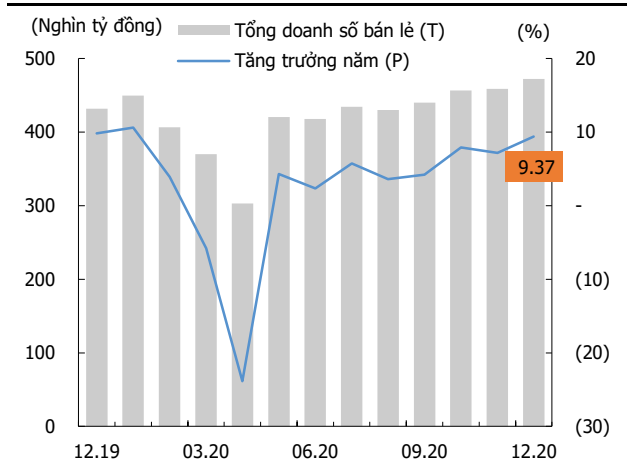
IV. Ngành bán lẻ duy trì tăng trưởng

Doanh số bán lẻ lấy lại đà tăng nhanh

Đà tăng của doanh số bán lẻ trở nên mạnh mẽ hơn trong giai đoạn này do sự tăng tốc của nhóm ngành bán lẻ bù đắp đà giảm của hoạt động lưu trú & ăn uống và du lịch. Theo ước tính của GSO, doanh số bán lẻ trong tháng 12 đã chứng kiến sự tăng tốc khi tăng 9.37% n/n, cao hơn 218 đcb so với tháng trước và đạt 472 nghìn tỷ đồng. Sự cải thiện trên tất cả các lĩnh vực giúp cho tăng trưởng cả ngành tăng lên trong giai đoạn này. Với tỷ trọng lớn nhất, hoạt động bán lẻ đóng góp nhiều nhất với mức tăng 13.79% n/n, cao hơn 251 đcb so với trước đó và đóng góp 10.37% vào mức tăng trưởng chung. Bên cạnh đó, mặc dù vẫn bị ảnh hưởng nặng nề của đại dịch toàn cầu, đà giảm hoạt động lưu trú & ăn uống và hoạt động du lịch đang thu hẹp dần, chỉ còn giảm 0.84% n/n, thấp hơn 0.19% so với tháng 11.

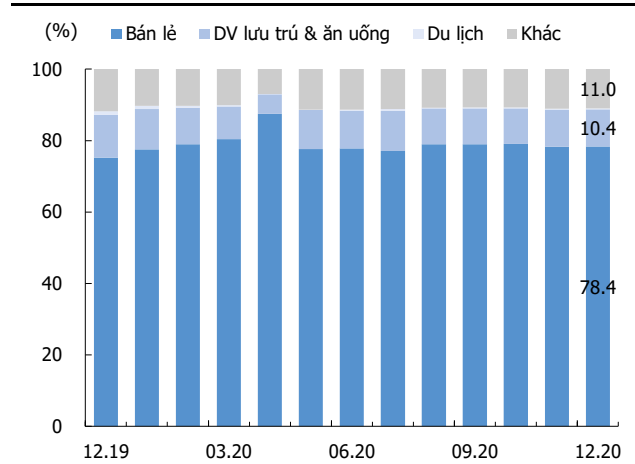
Về cơ cấu, lĩnh vực bán lẻ vẫn chiếm tỷ trọng lớn nhất, chiếm 78.36% tổng doanh thu, trong khi hoạt động lưu trú & ăn uống và du lịch cùng chiếm 21.37% tổng doanh thu.

Hình 21. Doanh số bán lẻ hàng tháng



Nguồn: GSO, KIS

Hình 22. Cơ cấu doanh số bán lẻ



Nguồn: GSO, KIS

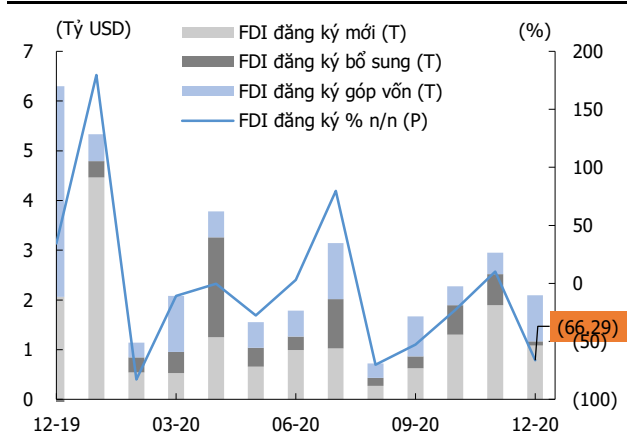
V. Triển vọng tích cực cho FDI trong 2021

Vốn FDI giải ngân đạt mức cao kỷ lục

Tháng 12 đánh dấu kỷ lục mới đối với hoạt động đầu tư nước ngoài khi giải ngân vốn FDI đạt mức cao kỷ lục vào cuối năm ngay cả khi rủi ro đầu tư, do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19, vẫn còn đó. Trong khi đó, những hạn chế về việc nhập cảnh do đợt bùng phát dịch vào đầu tháng 12 kéo lượng FDI đăng ký xuống mức thấp nhất trong 3 tháng.

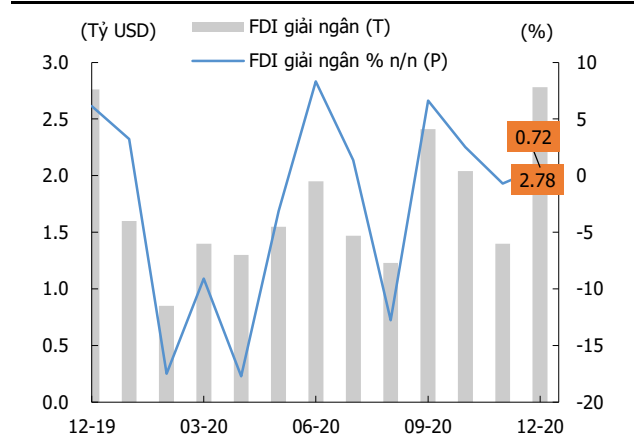
Cụ thể hơn, tháng 12 ghi nhận khoảng 1.09 tỷ USD FDI đăng ký mới, là mức thấp nhất trong 3 tháng, trong khi vốn tăng thêm cho các dự án hiện tại giảm xuống mức thấp nhất 1 năm, chỉ đạt 0.8 tỷ USD. Ngược lại, các nhà đầu tư nước ngoài quan tâm nhiều hơn đến hoạt động mua bán cổ phần và M&A khi con số trên tăng lên mức cao nhất trong 5 tháng là 0.93 tỷ USD, đẩy tổng vốn đăng ký trong tháng lên 2.1 tỷ USD, giảm 66.29% n/n. Đáng chú ý, vốn FDI giải ngân cuối năm ở mức cao kỷ lục, đạt 2.78 tỷ USD, tăng 0.72% n/n.

Hình 23. FDI đăng ký và các thành phần



Nguồn: Bộ Kế hoạch và Đầu tư, KIS

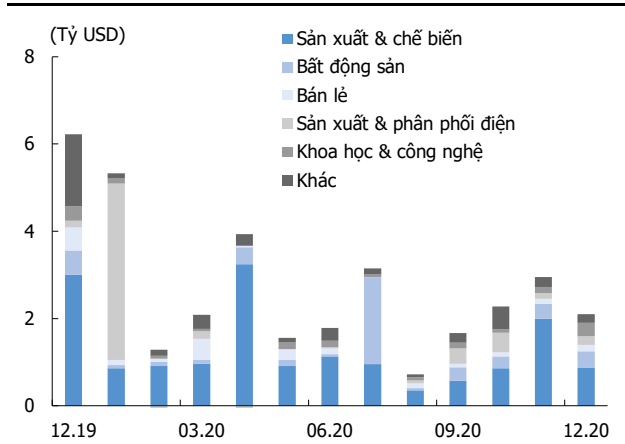
Hình 24. FDI giải ngân



Nguồn: Bộ Kế hoạch và Đầu tư, KIS

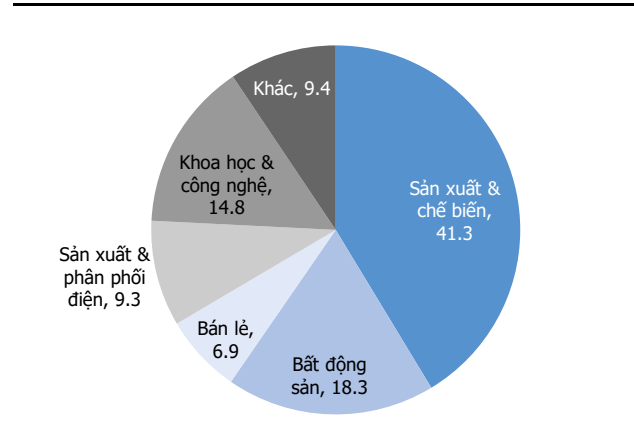
Công nghiệp chế biến, chế tạo có mức sụt giảm vốn FDI đăng ký lớn nhất trong tháng 12, chỉ ghi nhận 0.87 tỷ USD so với gần 2 tỷ USD trong tháng 11. Đóng góp của công nghiệp chế biến, chế tạo vào tổng vốn FDI cũng giảm xuống 41.31% từ mức gần 70% trong tháng trước. Trong khi đó, ngành bất động sản ghi nhận mức cao nhất trong 5 tháng là 0.38 tỷ USD, bán lẻ đạt mức cao nhất trong 6 tháng là 0.15 tỷ USD và sản xuất và phân phối điện đạt mức cao nhất trong 2 tháng là 0.2 tỷ. Đặc biệt, FDI đăng ký trong lĩnh vực khoa học & công nghệ đã tăng lên mức cao nhất trong 1 năm, đạt 0.31 tỷ USD.

Hình 25. FDI đăng ký theo ngành



Nguồn: Bộ Kế hoạch và Đầu tư, KIS

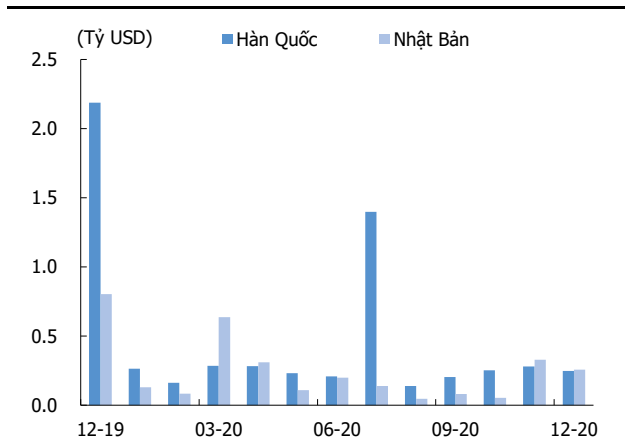
Hình 26. Cơ cấu FDI đăng ký trong 4Q20



Nguồn: Bộ Kế hoạch và Đầu tư, KIS

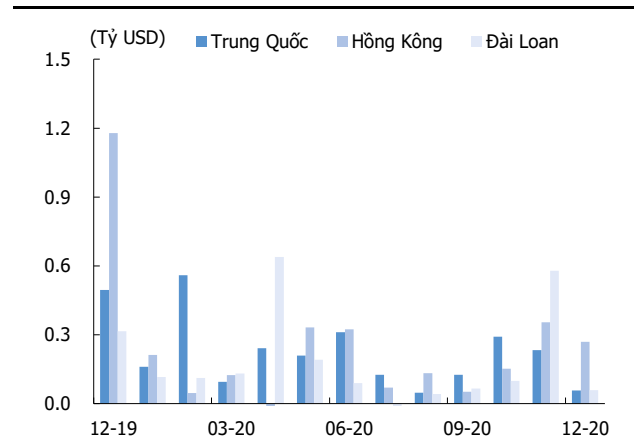
FDI đăng ký từ tất cả đối tác lớn rõ ràng đã chậm lại trong tháng 12 ngoại trừ Singapore. Đặc biệt, sự sụt giảm được thấy rõ nhất từ các nhà đầu tư Trung Quốc và Đài Loan với FDI đăng ký đạt mức thấp nhất trong 4 tháng là 57 triệu USD và 59 triệu USD. Dòng vốn FDI từ Nhật Bản và Hồng Kông cũng giảm đáng kể so với tháng 11, ở mức 0.26 tỷ USD và 0.27 tỷ USD, tiếp theo là Hàn Quốc với 0.25 tỷ USD.

Hình 27. Vốn FDI từ Hàn Quốc, Nhật Bản



Nguồn: Bộ Kế hoạch và Đầu tư, KIS

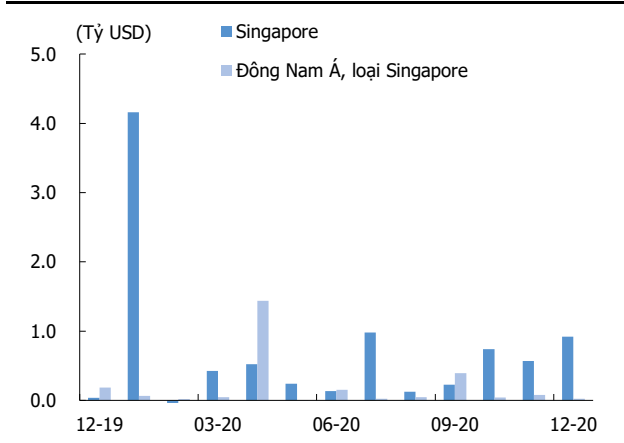
Hình 28. Vốn FDI từ Trung Quốc, Hồng Kông, Đài Loan



Nguồn: Bộ Kế hoạch và Đầu tư, KIS

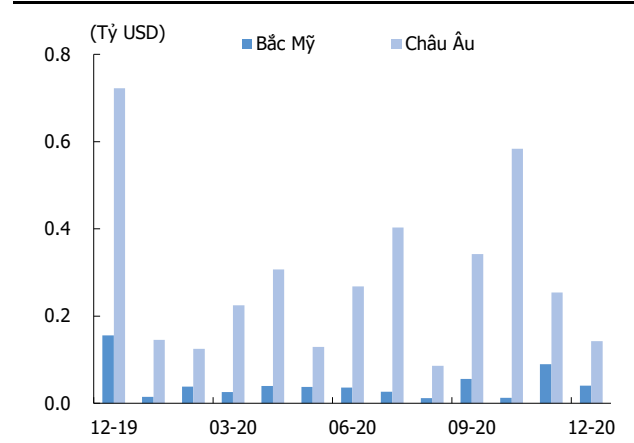
Ở chiều ngược lại, vốn đăng ký từ Singapore đã tăng vọt lên mức cao nhất trong 4 tháng là 0.92 tỷ USD, chiếm hơn một nửa tổng vốn FDI đăng ký từ các nhà đầu tư châu Á trong tháng. Các nhà đầu tư đến từ châu Âu đã đăng ký tổng cộng 0.14 tỷ USD, thấp hơn đáng kể so với 0.25 tỷ USD trong tháng 11. Lượng đăng ký từ khu vực Đông Nam Á (ngoại trừ Singapore) và Bắc Mỹ (bao gồm Mỹ và Canada) không đáng kể, lần lượt là 24 triệu USD và 40 triệu USD.

Hình 29. Dòng vốn FDI từ các nước Đông Nam Á



Nguồn: Bộ Kế hoạch và Đầu tư, KIS

Hình 30. Dòng vốn FDI từ EU và Bắc Mỹ

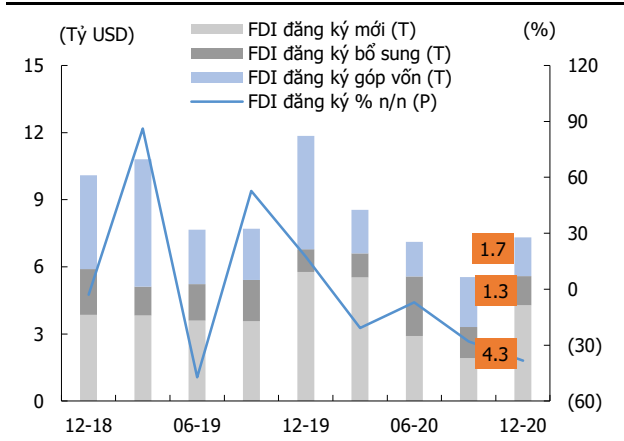


Nguồn: Bộ Kế hoạch và Đầu tư, KIS

DỰ BÁO:

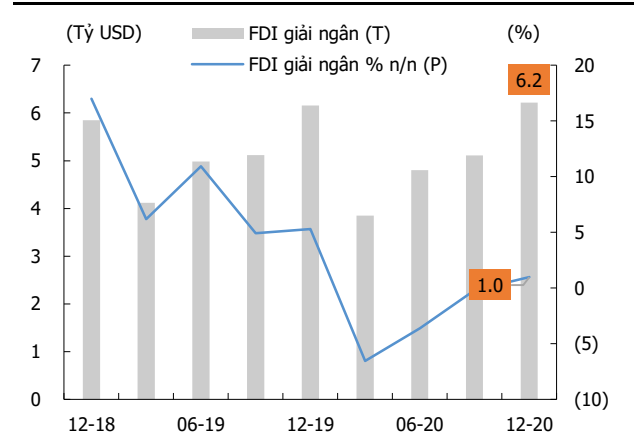
Trong thời kỳ COVID-19, dòng vốn đầu tư toàn cầu có nguy cơ sụp đổ do các biện pháp giãn cách xã hội chưa từng có và sự không chắc chắn về tương lai. Số lượng FDI trong 2Q20 và 3Q20 cho thấy tâm lý tiêu cực của các nhà đầu tư toàn cầu, trong đó đăng ký mới giảm xuống mức thấp nhất trong nhiều năm. Từ mức đáy trong 3Q20, với việc Việt Nam dần thích nghi và học được cách đối phó với các vấn đề sức khỏe và kinh tế gây ra bởi dịch bệnh, vốn FDI đăng ký cũng phục hồi đáng kể lên mức cao thứ ba kể từ giữa năm 2018. Con số FDI thậm chí còn mang lại triển vọng tích cực hơn khi đạt mức cao nhất trước đến nay, khoảng 6.2 tỷ USD trong 4Q20.

Hình 31. Vốn FDI đăng ký và các thành phần



Nguồn: Bộ Kế hoạch và Đầu tư, KIS

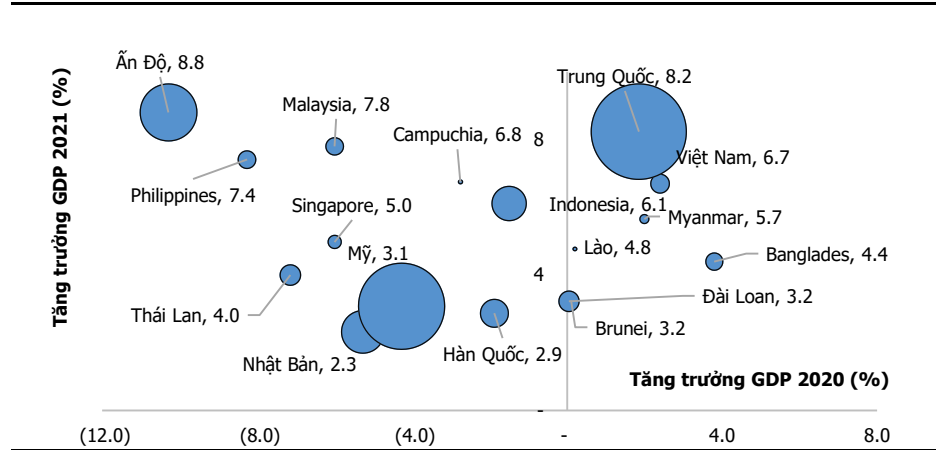
Hình 32. Vốn FDI giải ngân



Nguồn: Bộ Kế hoạch và Đầu tư, KIS

Hơn nữa, tăng trưởng giai đoạn 2020 - 2021 của nền kinh tế Việt Nam nằm trong nhóm cao nhất toàn cầu, tốt hơn nhiều so với các nước khác. Đây chắc chắn là điểm mạnh giúp Việt Nam có vị thế tốt hơn để thu hút các nhà đầu tư toàn cầu.

Hình 33. Tăng trưởng GDP 2020 – 2021 của Việt Nam so với các nước khác



Nguồn: IMF, KIS

Sự thay đổi chuỗi cung ứng toàn cầu đang diễn ra

Việt Nam cũng đang được hưởng lợi đáng kể từ sự chuyển dịch chuỗi cung ứng toàn cầu đang diễn ra và một số FTA đang được tiến hành hoặc đã có hiệu lực như CPTPP, EVFTA và mới nhất là RCEP. Một số tên tuổi lớn nhất, trong đó nổi bật nhất là gã khổng lồ Apple, tuyên bố sẽ phân bổ lại một phần chuỗi cung ứng của mình cho Việt Nam. Không lâu sau đó, Luxshare ICT và Foxconn, hai nhà cung cấp sản phẩm AirPods và iPhone của Apple, đã tăng tốc đầu tư vào Việt Nam từ nửa cuối 2020, trong khi Pegatron, một tên tuổi khác trong top 5 nhà sản xuất linh kiện điện tử lớn nhất, đã lên kế hoạch đầu tư khoảng 1 tỷ USD vào nhà máy tại Việt Nam vào năm 2027. Ngoài những cái tên được liệt kê ở trên, các nhà cung cấp khác của Apple, bao gồm Wistron Corporation, Hon Hai Precision Industry Co. Ltd, GoerTek và Compal Electronics, đã có mặt tại Việt Nam. Xu hướng này rất có thể sẽ tăng lên vào năm 2021 nếu các tình hình đại dịch toàn cầu đang được cải thiện nhanh chóng, dựa theo tiến độ phân phối vắc xin COVID-19 trên toàn cầu.

Bảng 2. Các khoản đầu tư và hoạt động của những nhà cung cấp Apple tại Việt Nam

Năm	Tháng	LUXSHARE (Sản xuất AirPods)	Foxconn (Sản xuất iPhones)
2016	10	<ul style="list-style-type: none"> Luxshares ICT(Việt Nam) được thành lập 	
	01		<ul style="list-style-type: none"> Foxconn mua quyền sử dụng 250,000m2 ở Bắc Giang trị giá 16.5 triệu USD.
2019	07	<ul style="list-style-type: none"> Luxshares ICT (Việt Nam) tăng vốn góp nhưng không rõ con số chính xác 	
	08	<ul style="list-style-type: none"> Luxshares ICT (Nghệ An) được thành lập. Vốn góp 70 triệu USD: Sản xuất cáp và sạc cho iPhones. 	
	09	<ul style="list-style-type: none"> Merry & Luxshares (Việt Nam) được thành lập. Vốn góp 24 triệu USD Merry Electronics (Đài Loan) 51%, Luxshares 49% Sản xuất AirPods 	
2020	03	<ul style="list-style-type: none"> Sản xuất AirPods Pro 	
	04	<ul style="list-style-type: none"> Luxshares ICT (Nghệ An) bắt đầu hoạt động Luxshares ICT (Việt Nam) tăng vốn lên khoảng 65 triệu USD Luxshares ICT (Vân Trung) tăng vốn nhưng không rõ con số chính xác 	
	06	<ul style="list-style-type: none"> Luxshares ICT (Nghệ An) tăng vốn nhưng không rõ con số chính xác: Sản xuất AirPods, Apple Watch Luxshares và Goertek cùng hợp tác sản xuất tai nghe mới của Apple, AirPods Studio (tin chưa được xác nhận) 	
	7-8	<ul style="list-style-type: none"> Một số giám đốc điều hành cấp cao của Apple đã đến thăm Luxshare-ICT (Việt Nam) nhiều lần để tìm hiểu điều kiện sản xuất iPhone. Apple yêu cầu xây dựng khu ký túc xá nhằm đảm bảo năng lực sản xuất và tăng số lượng công nhân từ 28,000 lên 50,000-60,000 như hiện tại. 	<ul style="list-style-type: none"> Foxconn đề xuất với chính quyền sẽ: <ul style="list-style-type: none"> Thành lập khu công nghiệp rộng 600 ha ở Bắc Giang Mở rộng Khu công nghiệp Bình Xuyên 2 giai đoạn II tại Vĩnh Phúc Dành hơn 325 triệu USD để xây dựng nhà ở cho công nhân ở Bắc Giang, Bắc Ninh và Vĩnh Phúc
	11	<ul style="list-style-type: none"> Truyền thông đưa tin về khả năng có thể sản xuất 20% số iPhone 12 mini thông qua hợp tác (hoặc mua lại) Wistron của Trung Quốc 	<ul style="list-style-type: none"> Foxconn đầu tư 270 triệu USD vào công ty con là FuKang Technology Company Limited.
2021	1H	<ul style="list-style-type: none"> AirPods 3 (mẫu thế hệ thứ 3) sẽ được sản xuất. 	<ul style="list-style-type: none"> Dây chuyền lắp ráp cho iPad và MacBook dự kiến sẽ được đưa vào hoạt động
	2H	<ul style="list-style-type: none"> New AirPods Pro sẽ được sản xuất 	

*Nguồn: Thông cáo báo chí theo năm. KIS

VI. IIP tiềm năng tăng trưởng mạnh mẽ trong 2021

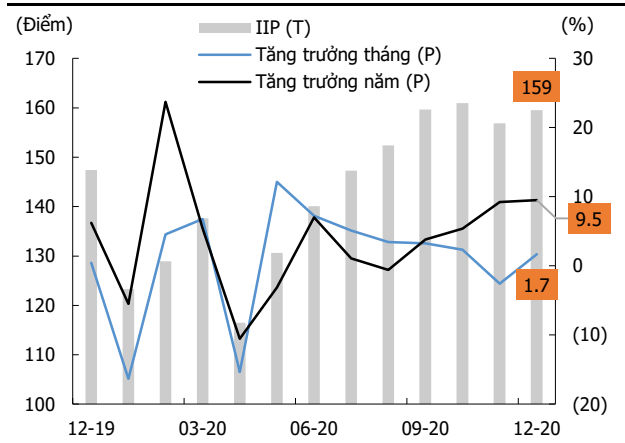
IIP tiếp tục tăng mạnh sau khi chậm lại trong tháng 11

Sau khi giảm tốc vào tháng 11, dựa trên dữ liệu điều chỉnh, sản xuất công nghiệp một lần nữa tăng gần mức cao kỷ lục được ghi nhận trong tháng 10, ngay cả khi chịu áp lực từ sự sụt giảm của ngành công nghiệp điện tử. Tính đến cuối tháng 12, chỉ số sản xuất công nghiệp IIP tăng 1.68% t/t và 9.52% n/n.

Đáng chú ý nhất, ngành chế biến, chế tạo tiếp tục duy trì tăng trưởng, đạt mức cao thứ hai và tăng 13.13% n/n. Trong khi đó, với sự phục hồi đáng chú ý của hoạt động khai thác dầu thô và khí đốt tự nhiên, sản lượng trong ngành khai khoáng đã đạt mức cao nhất trong 4 tháng, mặc dù vẫn giảm 10.41% so với cùng kỳ năm ngoái.

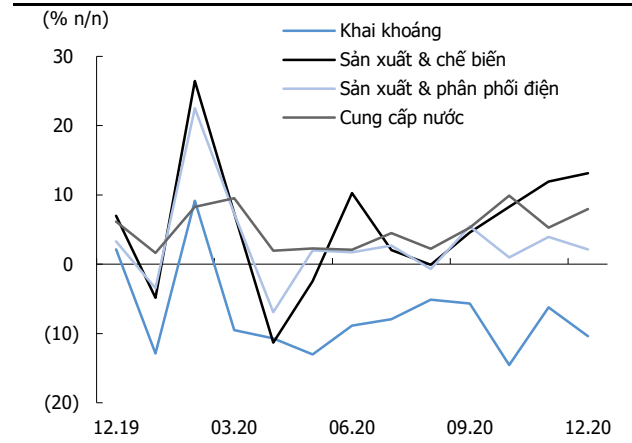
Bên cạnh đó, sản xuất & phân phối điện và cung cấp nước tăng với tốc độ lần lượt là 2.12% n/n và 7.95% n/n.

Hình 34. Chỉ số sản xuất công nghiệp



Nguồn: GSO, KIS

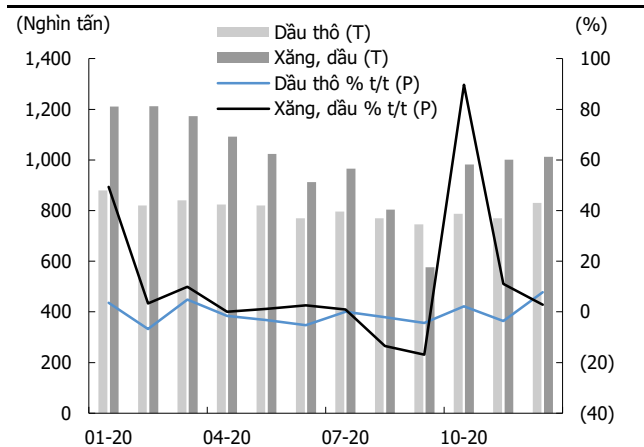
Hình 35. Tỷ lệ tăng trưởng năm các ngành



Nguồn: GSO, KIS

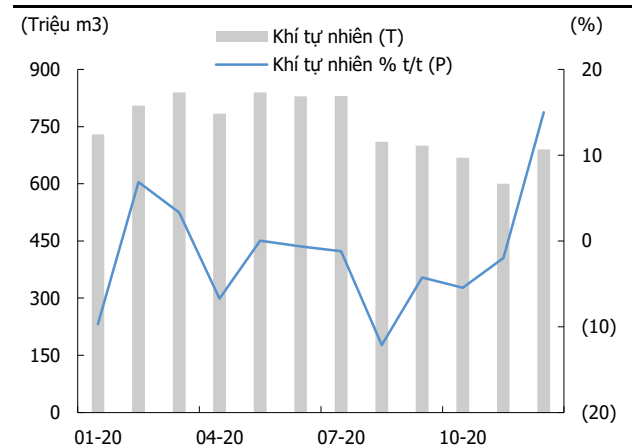
Thông tin chi tiết về các ngành công nghiệp và các sản phẩm công nghiệp chính như sau.

Hình 36. Sản xuất dầu thô và xăng dầu



Nguồn: KIS, GSO

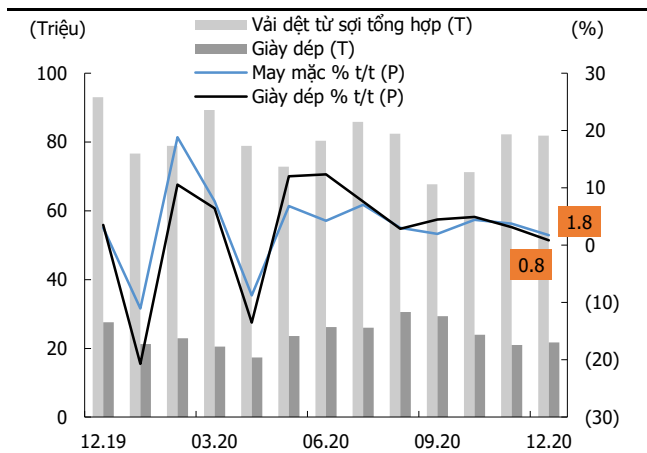
Hình 37. Sản xuất khí tự nhiên



Nguồn: KIS, GSO

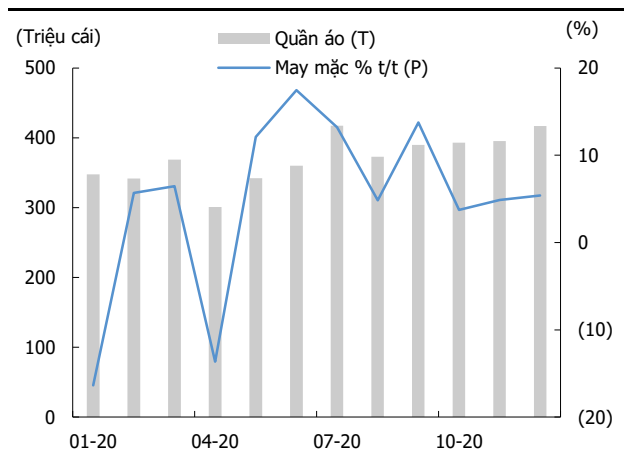
Mỏ khí Sao Vàng - Đại Nguyệt đi vào hoạt động vào cuối tháng 11 đã thúc đẩy sản lượng khai thác dầu thô và khí đốt tự nhiên lên mức cao nhất trong nhiều tháng, trong đó sản lượng khai thác dầu thô tăng 7.8% t/t lên mức cao nhất trong 9 tháng và sản lượng khí đốt tăng 15% t/t lên mức cao nhất trong 3 tháng. Cũng nhờ giá xăng dầu trong nước tăng mạnh trong thời gian gần đây, sản lượng xăng dầu tiếp tục tăng 2.9% t/t lên mức cao nhất trong 7 tháng.

Hình 38. Sản xuất hàng dệt may và giày dép



Nguồn: GSO, KIS
Vải dệt từ sợi tổng hợp: triệu m2; Giày dép: triệu đôi

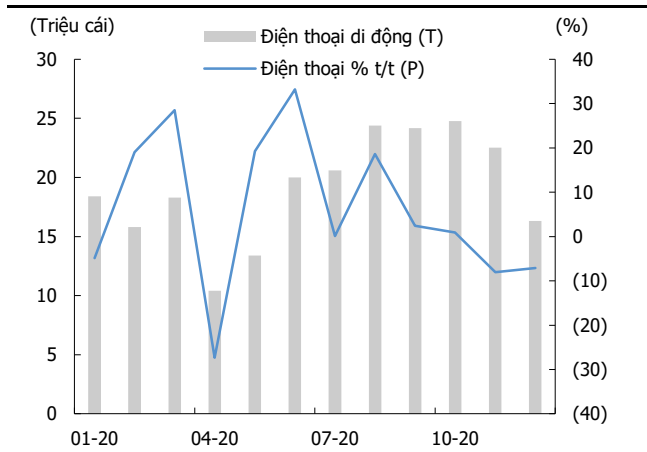
Hình 39. Sản xuất quần áo



Nguồn: GSO, KIS

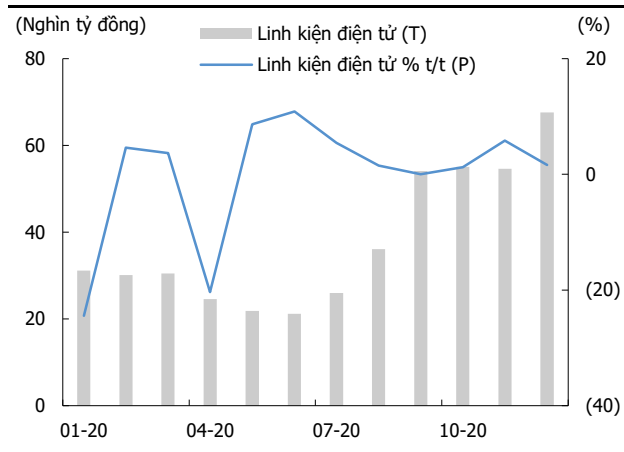
Ngành dệt, may mặc và da giày tiếp tục tăng 8 tháng liên tiếp trong tháng 12, nhưng đã tăng đang bị hạn chế đối với ngành dệt và da giày. Theo đó, tăng trưởng tháng của các ngành này chậm nhất trong giai đoạn 8 tháng, lần lượt là 1.8% t/t và 0.8% t/t. Sản xuất hàng may mặc tăng cao nhất trong 3 tháng, khoảng 5.4% t/t.

Hình 40. Sản xuất điện thoại di động



Nguồn: GSO, KIS

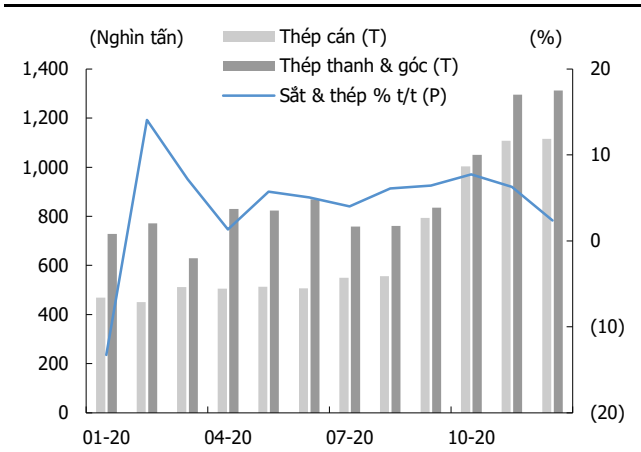
Hình 41. Sản xuất linh kiện điện tử



Nguồn: GSO, KIS

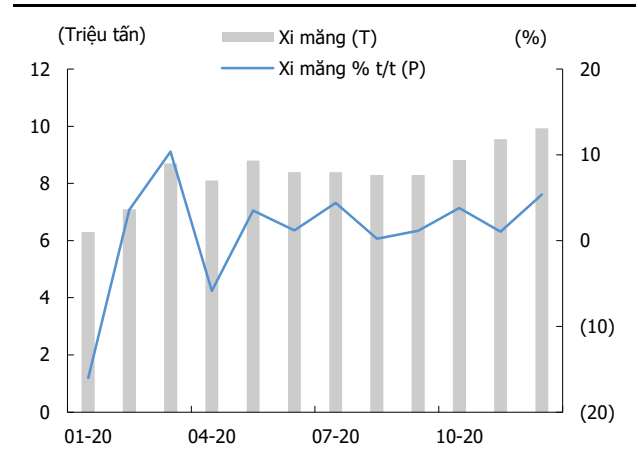
Ngược lại, sản xuất điện thoại di động và linh kiện giảm tốc mạnh trong tháng thứ ba liên tiếp, giảm 7.1% t/t, mức thấp nhất trong 5 tháng. Trong khi đó, sản xuất linh kiện điện tử tiếp tục lập kỷ lục cao mới, mặc dù tốc độ tăng bị hạn chế ở mức chỉ 1.61% t/t.

Hình 42. Sản xuất các sản phẩm thép



Nguồn: GSO, KIS

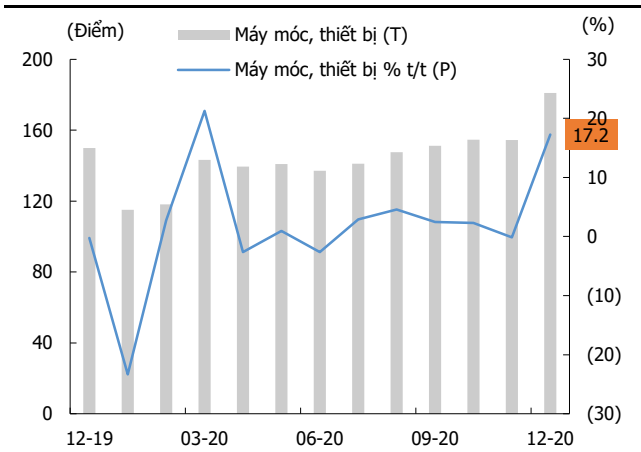
Hình 43. Sản xuất xi măng



Nguồn: GSO, KIS

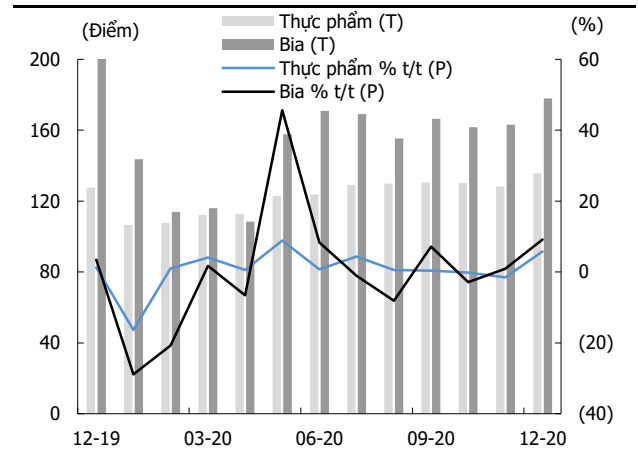
Xu hướng tăng của ngành vật liệu xây dựng vẫn tiếp tục trong tháng 12 khi sản lượng thép và xi măng ở mức cao kỷ lục, lần lượt tăng 2.4% t/t và 5.4% t/t.

Hình 44. Sản xuất máy móc thiết bị



Nguồn: GSO, KIS

Hình 45. Sản xuất thực phẩm và đồ uống



Nguồn: GSO, KIS

Các ngành công nghiệp khác, bao gồm thực phẩm & đồ uống và các ngành công nghiệp máy móc, cũng tăng trưởng nhanh gần đây nhờ nhu cầu nội địa mạnh mẽ. Trong khi du lịch trong nước phục hồi và các hoạt động giải trí thúc đẩy nhu cầu đối với ngành F&B, nhu cầu xuất khẩu mạnh mẽ đã thúc đẩy hoạt động sản xuất máy móc lên mức cao nhất. Cụ thể, sản xuất thực phẩm và bia tăng 9.1% t/t và 5.8% t/t, sản xuất máy móc tăng 17.2% t/t.

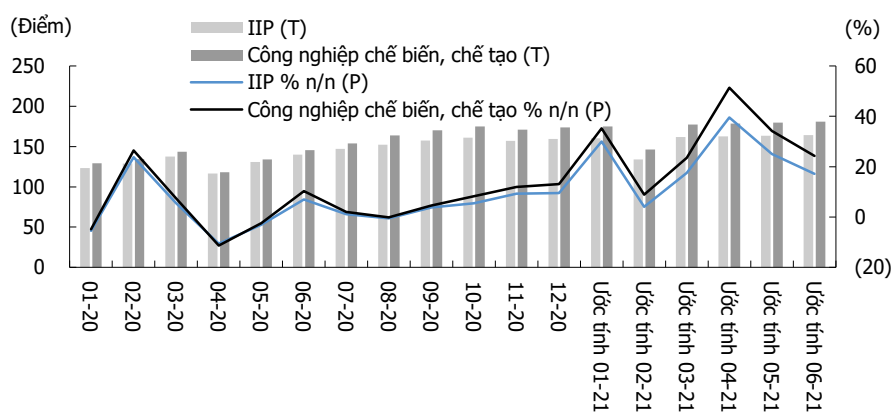
DỰ BÁO:

Sự bền vững trong tăng trưởng công nghiệp là điểm chính trong tháng 12 khi đa số các ngành đều mở rộng ngoại trừ ngành công nghiệp điện tử, đặc biệt là sản xuất điện thoại di động và linh kiện.

**Sản lượng thấp 6T20
hỗ trợ tăng trưởng
mạnh IIP trong 6T21**

Hướng đến năm 2021, chúng tôi cho rằng khu vực công nghiệp sẽ tiếp tục có nhiều dư địa để tăng trưởng, đặc biệt là trong 6 tháng đầu năm 2021. Với mức sản xuất rất thấp trong 6 tháng đầu năm do ảnh hưởng nghiêm trọng của COVID-19, giả định tăng trưởng công nghiệp giữ tốc độ tăng trưởng trung bình 3 tháng trong 6T21, thì tăng trưởng công nghiệp trong giai đoạn này sẽ rất đột biến.

Hình 46. Ước tính sản lượng IIP và công nghiệp chế biến, chế tạo trong 6T21



Nguồn: GSO, KIS

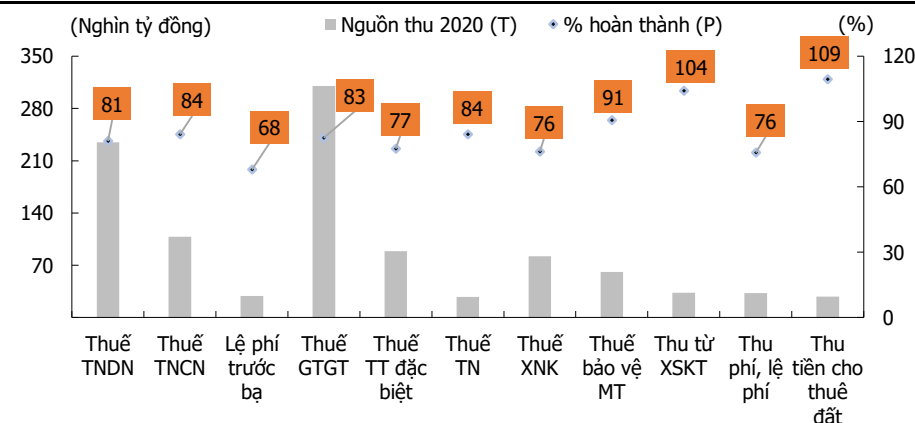
VII. Thâm hụt ngân sách tăng lên 363 nghìn tỷ đồng

Với các biện pháp hỗ trợ cho các hộ gia đình, doanh nghiệp và các đối tượng khác đang bị ảnh hưởng bởi đại dịch COVID-19, thâm hụt ngân sách nhà nước tăng lên đáng kể trong 2020 chủ yếu do thu ngân sách bị gián đoạn.

**Thu ngân sách bị gián
đoạn do các chính
sách hỗ trợ kinh tế**

Theo cập nhật mới nhất của Bộ Tài chính, đến hết năm 2020, thu ngân sách nhà nước ước đạt 1,323 nghìn tỷ đồng, chỉ đạt khoảng 87.49% kế hoạch năm 2020, trong đó số thuế được hoãn/giảm đối với thu nhập doanh nghiệp, thu nhập cá nhân và thuế giá trị gia tăng chiếm gần 3/4 số thiếu hụt.

Hình 47. Nguồn thu thuế

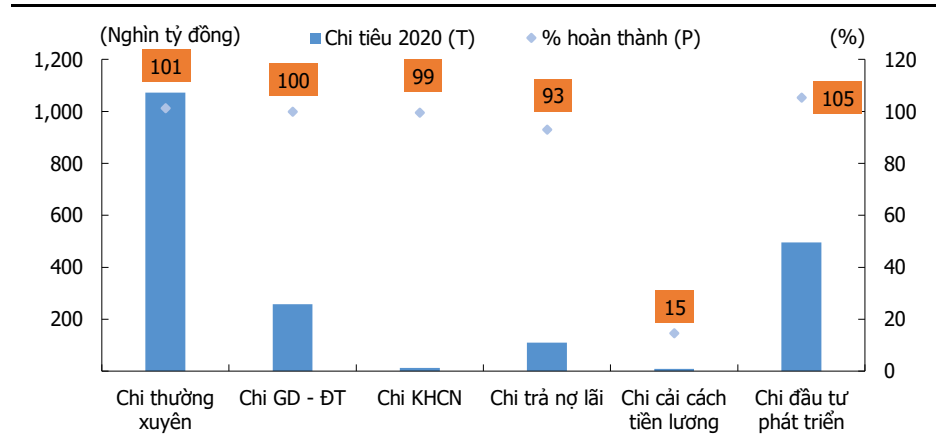


Nguồn: Bộ Tài chính, KIS

Chi đầu tư của Nhà nước tăng tốc trong 2020

Trong khi đó, chi tiêu công trong năm 2020 ước tính đạt 1,686 tỷ đồng, hoàn thành 96.5% kế hoạch năm 2020. Đáng chú ý là cả chi thường xuyên và chi đầu tư phát triển đều vượt kế hoạch ban đầu.

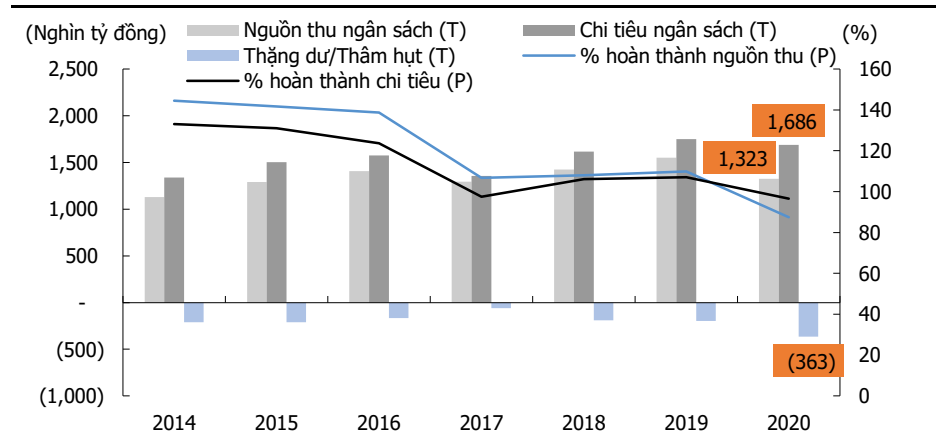
Hình 48. Chi ngân sách nhà nước



Nguồn: Bộ Tài chính, KIS

Kết quả là đến cuối năm, bội chi ngân sách nhà nước ở mức cao đáng kinh ngạc, khoảng 363 nghìn tỷ đồng, vượt xa các năm trước. Tuy nhiên, một phần thâm hụt sẽ được trả lại cho ngân sách nhà nước trong năm 2021 sau khi Nghị định 41/2020/NĐ-CP về gia hạn nộp thuế và tiền thuê đất hết hiệu lực.

Hình 49. Thâm hụt ngân sách nhà nước



Nguồn: Bộ Tài chính, KIS

Bảng điểm vĩ mô

(Tỷ USD, USD, %, % n/n)

	07-20	08-20	09-20	10-20	11-20	12-20	1Q20	2Q20	3Q20	4Q20	2017	2018	2019	2020
Tăng GDP thực			2.62			4.48	3.82	0.36	2.62	4.48	6.81	7.08	7.03	2.91
FDI đăng ký	3.15	0.72	1.67	2.27	2.95	2.10	8.55	7.12	5.54	7.32	35.88	35.47	38.02	28.53
GDP bình quân											2,353	2,551	2,730	
Tỷ lệ thất nghiệp							2.22	2.73	2.50	2.37	2.21	2.21	2.25	2.48
Xuất khẩu	23.00	27.70	27.16	27.26	25.24	26.50	63.52	59.33	79.74	79.00	215.1	243.5	263.6	263.6
Nhập khẩu	22.00	22.72	24.20	24.27	24.69	27.50	59.69	57.41	69.02	76.46	213.2	236.7	254.4	254.4
Tăng trưởng XK	8.47	7.14	16.57	12.21	10.73	17.63	7.99	(6.82)	10.61	13.48	21.82	13.19	8.16	8.16
Tăng trưởng NK	(2.52)	1.58	12.58	9.00	15.69	22.70	4.03	(9.46)	3.74	15.81	21.85	11.01	7.41	7.41
Lạm phát	3.39	3.18	2.98	2.47	1.48	0.19	3.53	3.57	3.81	3.24	3.53	3.54	2.79	2.79
VND/USD	23,167	23,175	23,188	23,181	23,141	23,126	23,637	23,206	23,184	23,126	22,698	23,175	23,173	23,173
Tăng trưởng TD	4.05	4.16	6.10	6.15	8.46	10.14	1.30	3.26	6.10	10.14	18.24	13.89	13.70	13.70
TPCP 10 năm	2.88	2.88	2.52	2.21	2.26	2.01	3.24	3.07	2.65	2.01	5.14	5.07	3.37	3.37

Nguồn: GSO, Bloomberg, FIA, IMF

Miễn Trừ Trách Nhiệm

Báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing cho chứng khoán Việt Nam được thực hiện và phát hành bởi phòng phân tích của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam, công ty được cấp giấy phép đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Chuyên viên phân tích, người thực hiện và phát hành báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing, được cấp chứng chỉ hành nghề và được quản lý bởi UBCKNN Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam.

Báo cáo này được viết nhằm mục đích chỉ cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình các nhà đầu tư nên dựa vào đánh giá cá nhân hoặc tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh. CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam không đảm bảo nhà đầu tư sẽ đạt được lợi nhuận hoặc được chia sẻ lợi nhuận từ các khoản đầu tư. CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam, hoặc các bên liên quan, và các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên tuyên bố miễn trừ trách nhiệm với các khoản lỗ hoặc tổn thất liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc một phần báo cáo này. Thông tin và nhận định có thể thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần báo trước và có thể khác hoặc ngược với quan điểm được thể hiện trong các mảng kinh doanh khác của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam. Quyết định đầu tư cuối cùng phải dựa trên các đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing không thể được sử dụng như là chứng cứ cho các tranh chấp pháp lý liên quan đến các quyết định đầu tư.

Bản quyền © 2021 của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam.

Trụ sở chính

Tầng 3, Tòa nhà TNR,
180-192 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP.HCM.
ĐT: (+84 28) 3914 8585
Fax: (+84 28) 3821 6899

PGD Phạm Ngọc Thạch

Lầu 03, 62A Phạm Ngọc Thạch,
Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84 28) 7108 1188
Fax: (+84 28) 3820 9229

Chi nhánh Hà Nội

Lầu 06, Tòa nhà CTM,
299 Cầu Giấy, Quận Cầu Giấy, Hà Nội
Điện thoại: (+84 24) 3974 4448
Fax : (+84 24) 3974 4501

PGD Bà Triệu

Lầu 06, 74 Bà Triệu, P. Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại: (+84 24) 7106 3555
Fax: (+84 24) 3632 0809

PGD Láng Hạ

P.504A, Lầu 05, Tòa nhà TDL,
22 Láng Hạ, Quận Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84 24) 7108 1188
Fax : (+84 24) 3244 4150

Báo cáo này được thực hiện bởi CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam và chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi viết bản báo cáo này, chúng tôi dựa vào các nguồn thông tin công khai và các nguồn thông tin đáng tin cậy khác, và chúng tôi giả định các thông tin này là đầy đủ và chính xác, mặc dù chúng tôi không tiến hành xác minh độc lập các thông tin này. CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam không đưa ra - một cách ẩn ý hay rõ ràng - bất kỳ đảm bảo, cam kết hay khai trình nào và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác và đầy đủ của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này. Báo cáo này chỉ nhằm cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư chuyên nghiệp, những người sẽ tự đưa ra quyết định đầu tư mà không phụ thuộc quá mức vào báo cáo này và công ty không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ tổn thất trực tiếp hoặc hậu quả nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hoặc nội dung của báo cáo.

Bản quyền © 2021 của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam. Báo cáo này không được sao chép, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam.